

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 47/2022/DS-ST.

Ngày: 22-4-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long

2. Bà Lương Thị Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà HThị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Ông Nguyễn Văn K ủy quyền cho ông Hà K1, sinh năm: 1981; địa chỉ: số X, Yên Bái, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn L, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 của ông Nguyễn Văn K và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hà K trình bày:

Ngày 21/3/2020 ông Nguyễn Văn K có thỏa thuận qua điện thoại để mua 2005kg nẹp nhựa của bà Đặng Thị H với giá 140.000/kg, trị giá lô hàng trên là 280.700.000 đồng. Cùng ngày ông Nguyễn Văn K đã chuyển 280.700.000 đồng vào tài khoản Đặng Thị H, Ngân hàng Vietcombank, Phòng Giao dịch Điện Nam

Điện Ngọc, Chi nhánh Quảng Nam. Ngày 26/3/2020 bà Đặng Thị H giao cho ông K 1228 kg nẹp nhựa (chưa đủ so với thỏa thuận), tuy nhiên số hàng đó không đảm bảo chất lượng nên không thể sản xuất được. Ngày 30/3/2020 ông K có thông báo cho bà H và hai bên đã thống nhất đổi số nguyên liệu trên. Ngày 08/4/2020 ông K tiếp tục thỏa thuận với bà H mua 1 tấn vải không dệt trị giá 80.000.000 đồng. Ông K đã chuyển tiền và bà H hẹn đến ngày 13/4/2020 sẽ giao hàng nhưng bà H không giao số hàng trên như thỏa thuận. Ngày 29/4/2020 bà H có chuyển 500kg nẹp nhựa đến để đổi nhưng số hàng đó không đảm bảo chất lượng nên ông K không chấp nhận và đồng thời đã chuyển trả 1228kg nẹp nhựa đã giao trước. Bà H đồng ý nhận lại số hàng về và trả lại ông K số tiền đã nhận.

Tuy nhiên, ông K đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại tiền nhưng bà H luôn đưa ra nhiều lý do, khất hẹn và không nghe điện thoại. Đến ngày 16/9/2020 bà H đã chuyển trả cho ông K số tiền 60.000.000 đồng. Số tiền bà H còn nợ là 300.700.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị H phải trả số tiền còn nợ là 300.700.000 đồng và số tiền lãi, lãi tạm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 đến ngày xét xử 22/4/2022 là 17 tháng, lãi suất 10%/năm, bình quân 8,83% tháng, tổng số tiền lãi là 42.428.770 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thi hành xong. Ngoài ra ông K, người đại diện theo ủy quyền ông K1 không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2020 và những lời khai tiếp theo, bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Vào ngày 21/3/2020 bà H có nhận số tiền 280.700.000 đồng để bán cho ông K số hàng hóa nẹp nhựa là 2 tấn 05 kg (2005kg), giá là 140.000 đồng/kg. và chuyển hàng ra cho ông K ngày 24/3/2020. Đến ngày 07/4/2020 ông K có ý kiến phản hồi là nẹp nhựa mềm chạy không được và hai bên trao đổi đổi hàng. Đến ngày 29/4/2020 bà H đã đổi và giao đủ số hàng cho ông K nhưng khi hàng đến nơi ông K cho rằng hàng không đạt nên trả lại hàng để chờ đổi lại hàng. Sau khi nhận lại số hàng từ ông K thì bà H có liên hệ nhà sản xuất để trả lại và nhận tiền nhưng không được sự đồng ý. Bên nhà sản xuất chỉ đồng ý đổi hàng mới cho ông K chứ không đồng ý hoàn trả tiền nên số hàng mới này bà H vẫn còn lưu kho. Ngoài ra, giữa bà H và ông K còn thỏa thuận mua bán hàng vải không dệt, bà H đã nhận số tiền 80.000.000 đồng do ông K chuyển. Tuy nhiên, do ông K không uy tín trong việc mua hàng nẹp nhựa nên bà H báo lại là không có hàng và đã chuyển trả cho ông K số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 20.000.000 đồng.

Nay, ông K khởi kiện yêu cầu bà trả lại toàn bộ số tiền gồm: Tiền mua nẹp nhựa 280.700.000 đồng, tiền mua vải không dệt 20.000.00 đồng và tiền lãi thì bà chỉ đồng ý trả số tiền mua vải không dệt 20.000.00 đồng, không đồng ý trả lãi; đối với số tiền mua nẹp nhựa 280.700.000 đồng bà không đồng ý trả, bà chỉ có thể đổi hàng cho ông K đúng chất lượng mà ông K yêu cầu. Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, buộc bà Đặng Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn K tổng số tiền 300.700.000 đồng và tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bị đơn bà Đặng Thị H. Tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn đang làm việc tại Lô số 8, KCN Điện Nam Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Vào ngày 21/3/2020, giữa ông Nguyễn Văn K và bà Đặng Thị H có trao đổi về việc mua hàng hóa theo đó bà Đặng Thị H có nhận của K số tiền 280.700.000 đồng để bán cho ông K 2005kg hàng nẹp nhựa với giá 140.000đ/kg. Đến ngày 26/3/2020, bà H đã giao cho ông K 1228kg nẹp nhựa. Tuy nhiên, đến ngày 07/4/2020, ông K cho rằng hàng không đảm bảo chất lượng, yêu cầu đổi hàng khác, bà H đồng ý. Ngày 29/4/2020, bà H chuyển 800kg nẹp nhựa cho ông K nhưng ông K vẫn cho rằng hàng không đảm bảo chất lượng nên đề nghị bà H nhận lại hàng và trả tiền cho ông K, bà H đã nhận lại toàn bộ số hàng đã chuyển. Ngoài ra, các bên còn thừa nhận vào ngày 08/4/2020, ông K thỏa thuận mua của bà H 01 tấn vải không dệt với giá 80.000đ/kg, tổng giá trị: 80.000.000đ. Ông K đã chuyển cho bà H số tiền 80.000.000đ nhưng sau đó bà H báo không có hàng để chuyển nên ngày 16/9/2020, bà H đã chuyển trả lại cho ông K 60.000.000đ, số tiền còn lại 20.000.000đ bà H chưa chuyển cho ông K. Ông K khởi kiện yêu cầu bà H hoàn trả số tiền 300.700.000 đồng và tiền lãi, bà H chỉ đồng ý trả số tiền 20.000.000 đồng và đổi hàng lại cho ông K, bà không đồng ý trả số tiền 280.700.000 đồng và lãi.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Xét về hợp đồng mua bán tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đều thừa nhận có thỏa thuận mua bán hàng hóa tài sản với nhau, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán nên đây là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo. Vậy, nên căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự, ông K khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ.

[2.2.2] Xét về việc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản nẹp nhựa: Sau khi thỏa thuận được giá của mặt hàng cần mua thì ông K chuyển tiền vào tài khoản của bà H, bà H chuyển hàng ra cho ông K. Khi nhận được hàng ông K cho rằng nẹp

nhựa không đảm bảo chất lượng nên yêu cầu đổi trả hàng và được bà H đồng ý. Ngày 29/4/2020 bà H chuyển 800.000kg nẹp nhựa ra cho ông K nhưng lần nhận hàng này vẫn không đảm bảo chất lượng nên ông K không muốn nhận hàng nữa, trả lại hàng và yêu cầu bà H trả lại đủ số tiền đã chuyển vào tài khoản bà H để mua nẹp nhựa là 280.700.000 đồng. Đối với bà H cho rằng: bà bán hàng bao đổi trả, nếu hàng nẹp nhựa không đảm bảo chất lượng thì bà đổi hàng chứ không trả tiền.

Trường hợp này xét thấy: Thực tế giữa ông K và bà H có thỏa thuận việc mua bán tài sản hàng nẹp nhựa. Mặc dù hai bên không thỏa thuận về chất lượng của tài sản mua bán nhưng trong quá trình giao dịch, khi ông K cho rằng hàng không đảm bảo chất lượng yêu cầu đổi trả thì được bà H đồng ý. Việc giao hàng thực hiện đến lần thứ 2 nhưng vẫn không đảm bảo chất lượng để ông K tiếp tục gia công, sản xuất. Vì vậy, ông K có yêu cầu bà H chuyển trả lại tiền, nội dung trao đổi được thể hiện tại tin nhắn ZALO thể hiện khi ông K đề nghị chuyển tiền kèm (nẹp nhựa) thì bà H trả lời *“anh ơi, ráng bên em chậm nhất thứ ba, tiền chưa về để thanh toán cho anh”*. Như vậy có cơ sở xác định bà H đồng ý chuyển trả số tiền mà ông K đã chuyển để mua nẹp nhựa như đề nghị của ông K. Bà H cho rằng đây chỉ là nội dung bà trao đổi với ông K trước trong khi chờ bên cung ứng trả lời, chứ không hứa chắc là chuyển tiền trả ông K. Tuy nhiên, giao dịch giữa bà H với bên thứ ba không liên quan đến ông K và thực tế đến thời điểm hiện nay hàng hóa nẹp nhựa bà H vẫn đang giữ, ông K không nhận có hàng nẹp nhựa. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả lại số tiền đã nhận là 280.700.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.3] Đối với yêu cầu trả số tiền mua vải không dệt: Quá trình giải quyết vụ án hai bên thừa nhận có thỏa thuận mua hàng vải không dệt 1 tấn vải, trị giá 80.000.000 đồng. Do không có hàng nên bà H đã chuyển trả lại ông K 60.000.000 đồng còn nợ lại 20.000.000 đồng. Ông K khởi kiện yêu cầu trả 20.000.000 đồng bà H đồng ý trả, thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2.4] Về yêu cầu tính lãi: Tại khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo pháp luật, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến khi xét xử sơ thẩm là 10%/ năm tổng số tiền lãi là 42.428.770 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 430, 432, 445; 357 và 468 Bộ luật Dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với bà Đặng Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

- Buộc bà Đặng Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 343.128.770 đồng (ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), trong đó nợ gốc 300.700.000đ, tiền lãi tính từ ngày 16/11/2020 đến ngày 22/4/2022 là 42.428.770 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 17.157.000đ (mười bảy triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí DSST. Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí DSST, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 7.517.500 đồng (bảy triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002849 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Điện Bàn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn;
- Thi hành án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân

